

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hương và ông Nguyễn Hữu Khánh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/11/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2020/TLST - HS ngày 27/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST - HS ngày 09/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T, (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), sinh năm 1973, giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Hữu C (đã chết) và bà Trần Thị L; có vợ là Bùi Thị H và 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 12/9/2020; hiện đang bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (có mặt)

2. Nguyễn Đình Th, sinh năm 1982; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Đình K và bà Lê Thị D; có vợ là Phạm Thị B và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 12/9/2020; hiện đang bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (có mặt)

3. Đinh Văn H, sinh năm 1975; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng, đoàn: Không; con ông Đinh Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị D và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự:

Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 12/9/2020; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

4. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 12/9/2020; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

5. Nguyễn Văn N, sinh năm 1977; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú trước khi bị tạm giữ, tạm giam: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Thanh Th; có vợ là Đinh Thị Hồng Á và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án: Ngày 10/4/2018 TAND huyện B xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, ngày 23/12/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: Ngày 20/12/2013, TAND tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 18 ngày về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020, chuyển tạm giam từ ngày 13/9/2020; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 04/9/2020, bị cáo Nguyễn Duy T đang ở nhà tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam thì lần lượt các bị cáo Nguyễn Đình Th, Đình Văn H, Nguyễn Văn Q đến ngồi chơi, uống nước. Một lúc sau các bị cáo rủ nhau đánh bạc, tất cả đi vào phòng bếp ăn của nhà T, ngồi lên chiếc chiếu cói trải sẵn ở nền nhà và dùng bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở đó cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức chơi “Liêng”. Các bị cáo đánh bạc được khoảng 10 phút thì bị cáo Nguyễn Văn N đến nhà T chơi và tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện B phối hợp cùng Công an xã T tuần tra phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng, tài sản bị thu giữ gồm: Thu tại vị trí các bị cáo ngồi đánh bạc: 3.140.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài. Thu trên người các bị cáo: Nguyễn Duy T 2.300.000 đồng và 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY A71; Nguyễn Đình Th 4.000.000 đồng và 01 điện thoại không rõ nhãn hiệu do Trung Quốc sản xuất; Đình Văn H 6.030.000 đồng và 01 điện thoại NOKIA TA-1029; Nguyễn Văn Q 1.115.000 đồng và 01 điện thoại IPHONE 5S; Nguyễn Văn N 01 điện thoại NOKIA 150.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo T tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra xác định hình thức, quy mô, tính chất của vụ đánh bạc như sau: Các đối tượng tham gia đánh bạc sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài có thứ tự từ: A (át), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K. Mỗi loại cây bài này có 04 chất trong đó quy định thứ tự các chất từ to nhất đến nhỏ nhất lần lượt là “Rô”, “Cỏ”, “Tép”, “Bích”. Ở mỗi ván bài mỗi người chơi phải bỏ ra 20.000 đồng, gọi là tiền vào “gà”, người cầm cái chia cho mỗi người chơi 03 cây bài. Sau khi lên bài người nào có điểm tham gia chơi tiếp thì “tố” thêm, có thể “tố” thêm nhiều lần nhưng mỗi lần không được quá 100.000 đồng và lần lượt tố từ người cầm cái theo chiều ngược kim đồng hồ, ai không chơi thì úp bài vào “nọc”. Khi “tố” xong thì đo điểm, bài của người chơi lớn nhất (kể cả về chất bài) sẽ thắng và được hưởng toàn bộ số tiền “gà” và tiền “tố” thêm. Các đối tượng quy ước ván bài lớn nhất được tính theo thứ tự: Lớn nhất là bài “sáp” có 03 cây bài cùng loại; tiếp đến là bài “liêng” có 03 cây bài thứ tự liên kế nhau; bài “Đĩ” (hay còn gọi là bài “Ánh”) tức là bài có các quân J, Q hoặc K nhưng không tạo thành “sáp” hoặc “liêng”, sau cùng là bài “tính điểm”, người chơi cộng 03 quân bài với nhau, bài 9 điểm là lớn nhất, trong đó A (át) được tính 1 điểm, các quân bài từ 10 đến K tính 0 điểm. Ngoài ra các đối tượng quy ước với nhau nếu trong ván bạc ai thắng mà có bài “sáp” hoặc “đồng hoa” (tức là bộ “liêng” gồm 03 cây bài cùng chất) thì sẽ được hưởng của mỗi đối tượng còn lại 100.000 đồng hoặc 50.000 đồng.

Số tiền mỗi bị cáo đã, đang và sẽ dùng vào việc đánh bạc như sau: Nguyễn Duy T dùng khoảng từ 3.300.000 đồng đến 3.400.000 đồng; Nguyễn Đình Th dùng khoảng từ 5.000.000 đồng đến 5.100.000 đồng; Đình Văn H dùng khoảng hơn 5.200.000 đồng; Nguyễn Văn Q dùng khoảng từ 1.600.000 đồng đến 1.700.000 đồng; Nguyễn Văn N dùng khoảng gần 1.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 63/CT - VKS - TA ngày 26/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đình Văn H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đình Văn H. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Đình Văn H, Nguyễn Đình Th. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đình Văn H phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo N từ 01 năm 03 tháng từ

đến 01 năm 06 tháng tù. Xử phạt bị cáo T từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án. Xử phạt các bị cáo Th, H; mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án. Xử phạt bị cáo Q từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được đối trừ thời hạn tạm giữ theo quy định; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo T, Q, N, Th, H; mỗi bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 16.585.000 đồng; tịch thu tiêu huỷ 52 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo T, Q, Th, H đề nghị cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Hành vi cùng nhau chơi “*Liêng*” được thua bằng tiền từ khoảng 09 giờ đến 10 giờ ngày 04/9/2020 tại phòng bếp ăn của nhà bị cáo Nguyễn Duy T ở thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam với tổng số tiền là 16.585.000 đồng của các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đình Văn H đã phạm tội “*Đánh bạc*” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình*” được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, Q, H, Th được hưởng tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N được hưởng tình tiết “*có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu tình tiết “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm: Bị cáo T vừa để cho các bị cáo khác đánh bạc tại địa điểm thuộc quyền quản lý của mình vừa trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; các bị cáo Q, H, Th, N trực tiếp tham gia đánh bạc, giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội, làm mất an ninh tại địa bàn phạm tội. Tuy nhiên để cá thể hóa tội phạm nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn N đã 02 lần bị xử phạt tù về tội “Đánh bạc” nay lại phạm tội “Đánh bạc” vì vậy cần phải xử phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Bị cáo T mặc dù giữ vai trò thứ nhất trong vụ án nhưng không phải là đối tượng chủ mưu, rủ rê lôi kéo việc đánh bạc, không thu lợi bất chính từ hành vi để cho các bị cáo đánh bạc tại bếp nhà mình, bản thân bị cáo đang phải điều trị bệnh định kỳ hàng tuần; các bị cáo T, Q, H, Th đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo khai báo thành khẩn, nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật. Trong vụ án; bị cáo T vừa là chủ nhà, vừa trực tiếp tham gia đánh bạc; các bị cáo H, Th chịu trách nhiệm hình sự với số tiền dùng để đánh bạc nhiều nhất nên cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo Q tham gia đánh bạc với số tiền ít hơn do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; đồng thời xét biên bản xác minh tài sản và đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương thấy điều kiện kinh tế của bị cáo Q khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập; thời hạn tạm giữ của bị cáo sẽ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ với quy định 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có sức khỏe lao động và có thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 52 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 16.585.000 đồng đã thu giữ là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

[9] Tình tiết khác của vụ án: Đối với điện thoại di động đã thu giữ; tài liệu điều tra đã xác định đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo và các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc hay tổ chức đánh bạc vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Lục trả lại cho các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đinh Văn H.

Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Đinh Văn H, Nguyễn Đình Th.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đinh Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. - Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (04/9/2020).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **02** (hai) năm kể từ ngày tuyên án (23/11/2020).

- Xử phạt các bị cáo Đinh Văn H, Nguyễn Đình Th; mỗi bị cáo **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01** (một) năm **06** (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (23/11/2020).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q **01** (một) năm cải tạo không giam giữ; được đối trừ **09** (chín) ngày tạm giữ; thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo phải chấp hành là **11** (mười một) tháng **03** (ba) ngày. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Q được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q.

Giao các bị cáo: Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Đinh Văn H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Nguyễn Đình Th cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách của án treo; các bị cáo T, H, Th phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Nếu các bị cáo T, H, Th vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách của án treo nếu các bị cáo T, H, Th vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo thì bị xử lý theo quy định tại Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đình Văn H; mỗi bị cáo 1.000.000 đồng. Các bị cáo có nghĩa vụ nộp tiền phạt tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 16.585.000 đồng. Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng. Các vật chứng được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam cùng Ủy nhiệm chi ngày 26/10/2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo: Nguyễn Duy T (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình Th, Đình Văn H; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND các xã: T, L và A, huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)